

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

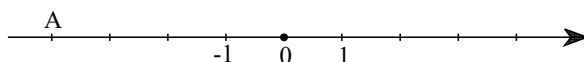
Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 2710. B. -7,5. C. $\frac{4}{9}$. D. 0,6.

Câu 2. Khẳng định nào dưới đây sai?

- A. Số đối của số -7 là 7. B. Số đối của 2021 là -2021.
C. Số đối của 100 là $-(-100)$. D. Số đối của 0 là 0.

Câu 3. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. -3. B. 3. C. -4. D. -5.

Câu 4. Số 10 không phải là ước của số tự nhiên nào dưới đây?

- A. 20. B. 50. C. 10. D. 25.

Câu 5. Yếu tố nào sau đây không phải của hình bình hành?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song B. Có hai cặp góc đối bằng nhau.
C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau D. Hai đường chéo vuông góc với nhau

Câu 6. Tìm x biết $8 \cdot x = -24$.

- A. 3. B. -3. C. -243. D. 12.

Câu 7. Kết quả của phép tính $(-300) + (-75)$ bằng

- A. -375. B. 235. C. -165. D. -175.

Câu 8. Cho tam giác đều ABC với $AB = 17$ cm. Độ dài cạnh BC là:

- A. 17 cm. B. 7,5 cm. C. 30 cm. D. 5 cm.

Câu 9. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm Khá (điểm 7) là:

- A. 1. B. 9. C. 19. D. 7

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.
- B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).
- C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).
- D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 11. Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

 10 xe;  5 xe

Em hãy cho biết tổng số xe bán được từ năm 2016 đến năm 2020

- A. 27
- B. 72
- C. 270
- D. 27,5

Câu 12. Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10 năm 2020 dân số Việt Nam được làm tròn là 98 000 000 người. Dân số Việt Nam được viết dưới dạng tích một số với một lũy thừa của 10 là:

- A. $980 \cdot 10^7$ người.
- B. $980 \cdot 10^6$ người.
- C. $98 \cdot 10^7$ người.
- D. $98 \cdot 10^6$ người.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1. (2,5 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 17.
- b) Viết tập hợp các ước của 8.
- c) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 30; -8; 0; -19.

d) Một con chim bói cá từ độ cao 2m trên mặt nước (quy ước mặt nước có độ cao là 0 mét) nó phóng xuống 5m để bắt được con mồi. Sau khi bắt được con mồi, nó phóng lên 10m và đậu trên cành ở vị trí đó để ăn mồi. Tính độ cao của chim bói cá lúc bắt mồi và độ cao của chim bói cá lúc ăn con mồi so với mặt nước?

Bài 2. (2,25 điểm)

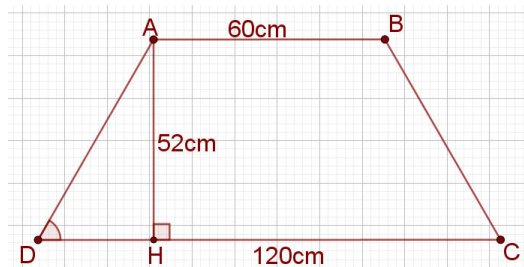
- a) Tính giá trị biểu thức $M = 16.3 + 7^{16} : 7^{14}$.
- b) Tìm x biết $x - 28 = 8 \cdot (-5)$.
- c) Số học sinh khối 6 của trường trong khoảng từ 300 đến 400 em, mỗi lần xếp hàng 8, hàng 12, hàng 15 đều thừa 2 em. Tính số học sinh khối 6.

Bài 3. (1,25 điểm)

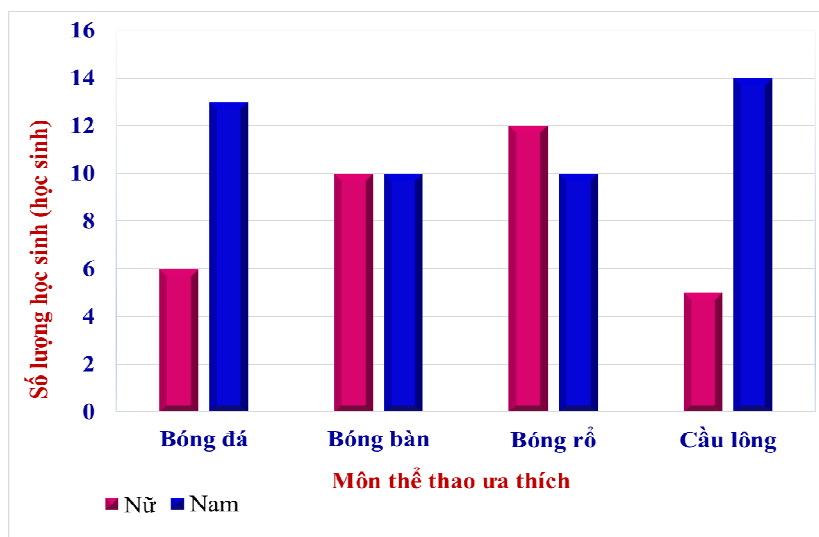
Một mặt bàn làm việc được lắp ghép từ 6 mảnh bàn làm từ đá hoa cương dạng hình thang cân có kích thước như nhau. Biết mỗi mảnh bàn hình thang cân đều có độ dài hai cạnh đáy là 60cm và 120cm, chiều cao của nó là 52cm (như hình bên dưới).

a/ Em hãy tính tổng diện tích của cái bàn làm việc đó.

b/ Theo đơn vị thi công báo giá mặt bàn là 1 triệu đồng /m². Tính tổng số tiền để làm mặt bàn trên.

**Bài 4: (1,0 điểm)**

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn mức độ yêu thích các môn thể thao của học sinh lớp 6A:



Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

a/ Học sinh nam thích môn thể thao nào nhất?

b/ Môn thể thao nào học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn bao nhiêu bạn?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	C	D	D	B	A	A	B	A	C	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 17 là: 2; 3; 5; 7; 11; 13.	0,5
1b (0,5đ)	$U(8) = \{1; -1; 2; -2; 4; -4; 8; -8\}$	0,5
1c (0,5đ)	-19; -8; 0; 30.	0,5
1d (1,0đ)	Độ cao của chim bói cá lúc bắt mồi là: $2 + (-5) = -3$ (m). Độ cao của chim bói cá lúc ăn con mồi so với mặt nước là: $(-3) + 10 = 7$ (m).	0,5 0,5
2a (0,75đ)	$M = 16.3 + 7^{16} : 7^{14} = 48 + 7^2$ $= 48 + 49 = 97.$	0,5 0,25
2b (0,5đ)	$x - 28 = 8 \cdot (-5)$ $x - 28 = -40$ $x = -40 + 28 = -12$	0,5 0,5
2c (1,0đ)	+ Gọi số học sinh của khối 6 là x (học sinh) ($x \in \mathbb{N}^*$) + Lập luận được : $x - 2 \in BC(8, 12, 15)$ Tính được : $BCNN(8, 12, 15) = 120$ Lập luận được : $x = 362$ và kết luận	0,25 0,25 0,25 0,25
3a (0,5đ)	a/ Diện tích của mỗi mặt bàn hình thang cân là: $(60 + 120) \cdot 52 = 9\,360$ (cm ²) Tổng diện tích của cái bàn làm việc là: $6 \cdot 9\,360 = 56\,160$ (cm ²)	0,25 0,25
3b (0,75đ)	b/ Đổi: $56\,160 \text{ cm}^2 = 5,616 \text{ m}^2$ Tổng số tiền để làm mặt bàn là: $5,616 \cdot 1 = 5,616$ (triệu đồng)	0,25 0,5
4a (0,5đ)	a/ Học sinh nam thích môn cầu lông nhất	0,5
4b (0,5đ)	b/ Học sinh nữ thích môn bóng rổ thích bóng rổ nhiều hơn học sinh nam là: $12 - 10 = 2$ (học sinh)	0,5

--	--	--

Xem thêm: **ĐỀ THI HK1 TOÁN 6**

<https://thcs.toanmath.com/de-thi-hk1-toan-6>